

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 187/2023/HSST

Ngày: 05/7/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai và bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 171/2023/TLST-HS, ngày 06 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2023/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình T**, sinh năm: 2000, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1972; Con bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm: 1979; Điều trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 04/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 03/12/2019, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 18/02/2023 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Bà Đoàn Thị Mỹ N, sinh năm: 1984 (vắng mặt); Địa chỉ: T7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Lê Quang T, sinh năm: 1983 (vắng mặt); Địa chỉ: Số 49 đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Cháu Trần Công T, sinh năm: 2010 (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Công T: Ông Trần Công M, sinh năm 1997.(vắng mặt); Địa chỉ: Số 43/18 đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm: 1979 (có mặt); Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Nguyễn Đắc H, sinh năm: 1999 (vắng mặt); Địa chỉ: T10, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Nguyễn Quang H, sinh năm: 2002 (vắng mặt); Địa chỉ: T7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình T sinh ngày 14/4/2000, trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Từ ngày 20/01/2023 đến ngày 14/02/2023, tại địa bàn thành phố B, Nguyễn Đình T đã thực hiện nhiều hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Đầu tháng 01/2023, T quen biết với anh Nguyễn Quang H (sinh năm: 2002, trú tại: T7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk). Sau đó, anh H rủ T đến sinh sống và ở cùng với H và mẹ của H là bà Đoàn Thị Mỹ N (sinh năm: 1981) tại T7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 20/01/2023, bà N cần nhận chuyển khoản số tiền 14.300.000 đồng từ anh Phạm Văn T1, nơi cư trú: Phường C, quận B, thành phố Hà Nội nhưng do không có tài khoản ngân hàng nên bà N nói anh T1 chuyển tiền vào số tài khoản 28336807 mở tại Ngân hàng TMCP Á của T và nhờ T đi rút tiền giúp thì T đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại xe Attila, màu sơn đen, biển số 47R5-6764 của bà N chở H đi đến quán Internet Pon Gaming, địa chỉ: 138 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để chơi game. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, H nói với T kiểm tra tài khoản thì T nói đã nhận được số tiền 14.300.000 đồng mà anh T1 chuyển vào tài khoản ngân hàng của T. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 14.300.000 đồng của bà N. Thấy H đang chơi game nên T điều khiển chiếc xe mô tô biển số 47R5-6764 đi đến quán AT, ở địa chỉ: 14 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chơi game và tiêu xài cá nhân hết số tiền 14.300.000 đồng. Sau đó, T liên lạc với anh H để trả chiếc xe mô tô biển số 47R5-6764. Do sợ bị anh H và bà N giữ lại vì đã chiếm đoạt số tiền 14.300.000 đồng nên T điều khiển chiếc xe mô tô biển số 47R5-6764 đến dựng trước cổng Bệnh viện mắt C, ở địa chỉ: 309 đường N, phường T, thành phố B, rồi đứng cách vị trí để xe khoảng 05 mét quan sát. Khi nhìn thấy H đã lấy xe rời đi thì T bỏ trốn. Do liên lạc với T nhiều lần không được nên bà N và anh H đến gặp bà Nguyễn Thị Thu L (sinh năm: 1979, trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là mẹ ruột của T) thì bà L hứa sẽ trả lại

số tiền 14.300.000 đồng cho bà N, do đó, bà N không đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Vụ thứ hai: Lê Đình T được anh Lê Quang T (sinh năm: 1983, trú tại: 49 đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) thuê trông coi quản lý, bán thẻ game và thu tiền của khách chơi game tại quán Internet AT, ở địa chỉ: 14 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do anh T1 làm chủ. Hàng ngày, vào khoảng 22 giờ, anh T1 sẽ đến kiểm tra và lấy tiền thu được trong ngày từ T. Khoảng 22 giờ ngày 05/02/2023, T thu được tổng số tiền 4.200.000 đồng và thấy anh T1 chưa đến lấy tiền nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên của anh T1. Khoảng 02 giờ 39 phút ngày 06/02/2023, T mở tủ, lấy số tiền 4.200.000 đồng của anh T1 rồi rời khỏi quán Internet AT và đi đến quán Internet P, ở địa chỉ: 138 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và sử dụng hết số tiền 4.200.000 đồng chiếm đoạt được của anh T1 vào mục đích chơi game online. Sau khi phát hiện sự việc, anh T1 đã đến gặp bà Nguyễn Thị Thu L, là mẹ ruột của T. Tại đây, bà L đã tự nguyện bồi thường cho anh T1 số tiền 2.000.000 đồng, hứa hẹn sẽ trả lại số tiền bị T1 chiếm đoạt còn lại cho anh T1.

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ ngày 14/02/2023, tại quán Internet P, ở địa chỉ: 138 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do anh Nguyễn Đắc H quản lý, T đang ngồi chơi game tại máy tính số 41, còn cháu Trần Công T (sinh ngày: 02/01/2010, trú tại: 43/18 đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) đang ngồi chơi game tại máy tính số 39, sát bên cạnh T. Quá trình ngồi chơi game thì cháu T1 để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu đen, số Imei 356427103154618, dung lượng 64Gb, gắn ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xanh đen, có ghi dòng chữ “there’s no one at all” của cháu T1 trên bàn. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, cháu T1 ra ngoài đi vệ sinh nhưng không mang theo chiếc điện thoại trên, T nhìn thấy, quan sát xung quanh không thấy ai nên T lén lút lấy chiếc điện thoại của cháu T1 bỏ vào túi quần rồi tẩu thoát. Sau khi đi vệ sinh vào, cháu T1 phát hiện bị mất trộm chiếc điện thoại nên đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐDGTS ngày 08/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B xác định: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XR, dung lượng 64Gb, màu đen, số Imei 356427103154618, có bọc ốp điện thoại bằng nhựa, màu xanh đen, có ghi dòng chữ “there’s no one at all”, trị giá 5.500.000 đồng.

Việc tạm giữ, xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XR, dung lượng 64Gb, màu đen, có gắn ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xanh đen, số Imei 356427103154618, ghi dòng chữ “there's no one at all”, đã qua sử dụng.

Kết quả điều tra xác định: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XR, dung lượng 64Gb, màu đen, có gắn ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xanh đen, số Imei 356427103154618, ghi dòng chữ “there's no one at all”, đã qua sử dụng, là tài sản hợp pháp của cháu Trần Công T1. Ngày 17/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an thành phố B ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại trên cho cháu Trần Công T1 quản lý, sử dụng.

Đối với số tiền 14.300.000 đồng chiếm đoạt được của bà Đoàn Thị Mỹ N và số tiền 4.200.000 đồng chiếm đoạt được của anh Lê Quang T1, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết nên Cơ quan Điều tra không tạm giữ được.

Về dân sự: Bà Nguyễn Thị Thu L, là mẹ ruột của bị cáo, thỏa thuận sẽ bồi thường cho bà Đoàn Thị Mỹ N số tiền 14.300.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt nên bà Đoàn Thị Mỹ N không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Bị cáo đã tác động bà Nguyễn Thị Thu L bồi thường cho anh Lê Quang T1 tổng số tiền 4.000.000 đồng, anh Lê Quang T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Sau khi nhận lại chiếc điện thoại di động, cháu Trần Công T1 và người giám hộ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 187/CT-VKS ngày 06/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự và tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự và tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như nội dung bản Cáo trạng số: 187/CT-VKS ngày 06/6/2023, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T mức án từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình T** mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 21 tháng đến 30 tháng tù.

***/ Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585 Bộ luật dân sự.

- *Về phần xử lý vật chứng:* Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XR, dung lượng 64Gb, màu đen, có gắn ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xanh đen, số Imei 356427103154618, ghi dòng chữ “there's no one at all”, đã qua sử dụng, là tài sản của cháu Trần Công T1 nhận quản lý, sử dụng.

Đối với số tiền 14.300.000 đồng chiếm đoạt được của bà Đoàn Thị Mỹ N và số tiền 4.200.000 đồng chiếm đoạt được của anh Lê Quang T1, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết nên Cơ quan Điều tra không tạm giữ được.

-Về phần trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị Thu L, là mẹ ruột của bị cáo, thỏa thuận sẽ bồi thường cho bà Đoàn Thị Mỹ N số tiền 14.300.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt nên bà Đoàn Thị Mỹ N không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Bị cáo đã tác động bà Nguyễn Thị Thu L bồi thường cho anh Lê Quang T1 tổng số tiền 4.000.000 đồng, anh Lê Quang T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Sau khi nhận lại chiếc điện thoại di động, cháu Trần Công T1 và người giám hộ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình T khai nhận:

Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên vào ngày 20/01/2023, tại địa bàn thành phố B, bị cáo T đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà Đoàn Thị Mỹ N, số tiền 14.300.000 đồng, sau đó bỏ trốn. Đến ngày 06/02/2023, tại quán Internet A, ở địa chỉ: 14 đường L, phường T, thành phố B, bị cáo tiếp tục lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của anh Lê Quang T1, số tiền 4.200.000 đồng, sau đó bỏ trốn. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Đình T đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 18.500.000 đồng.

Đến ngày 14/02/2023, tại quán Internet P, ở địa chỉ: 138 đường L, phường T, thành phố B, bị cáo Nguyễn Đình T đã trộm cắp tài sản của cháu Trần Công T1, là người dưới 16 tuổi, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, trị giá 5.500.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự và tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Như vậy đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình T đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự và tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”

Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;”

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị, nhưng vì ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ tư lợi cá nhân, muốn có tiền từ hành vi bất chính nên vào ngày 20/01/2023, tại địa bàn thành phố B, bị cáo Nguyễn Đình T đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà Đoàn Thị Mỹ N, số tiền 14.300.000 đồng, ngày 06/02/2023, tại quán Internet At, ở địa chỉ: 14 đường L, phường T, thành phố B, bị cáo T tiếp tục chiếm đoạt tài sản của anh Lê Quang T1, số tiền 4.200.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 18.500.000 đồng.

Đến ngày 14/02/2023, tại quán Internet P, ở địa chỉ: 138 đường L, phường T, thành phố B, bị cáo Nguyễn Đình T đã trộm cắp tài sản của cháu Trần Công T1, là người dưới 16 tuổi, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, trị giá 5.500.000 đồng. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu vào ngày 04/9/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 03/12/2019, chấp hành xong hình phạt tù, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh cho bản thân mà tiếp tục phạm tội, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 2 lần trở lên và phạm tội đối với người dưới 16 tuổi được quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản do bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả cho người bị hại, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả trả cho ông Lê Quang T1 số tiền 4.000.000 đồng và được ông Lê Quang T1, ông Trần Công M và cháu Trần Công T làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình T là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] *Các biện pháp tư pháp*: Căn cứ Điều 46, Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585 Bộ luật dân sự.

-*Về phần xử lý vật chứng*: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XR, dung lượng 64Gb, màu đen, có gắn ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xanh đen, số Imei 356427103154618, ghi dòng chữ “there's no one at all”, đã qua sử dụng, là tài sản hợp pháp của cháu Trần Công T nhận quản lý, sử dụng.

-*Về phần trách nhiệm dân sự*:

Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường cho bà Đoàn Thị Mỹ N số tiền 14.300.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt nên cần chấp nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu L (mẹ bị cáo Tiến) bồi thường cho anh Lê Quang T tổng số tiền 4.000.000 đồng, anh Lê Quang T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Sau khi nhận lại chiếc điện thoại di động, cháu Trần Công T và người đại diện hợp pháp của cháu T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Đình T** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình T** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình T** 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 18/02/2023.

**/ Các biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585 Bộ luật dân sự.

-Về phần xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XR, dung lượng 64Gb, màu đen, có gắn ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xanh đen, số Imei 356427103154618, ghi dòng chữ “there's no one at all”, đã qua sử dụng, là tài sản hợp pháp của cháu Trần Công T nhận quản lý, sử dụng.

-Về phần trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường cho bà Đoàn Thị Mỹ N số tiền 14.300.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu L(mẹ bị cáo T)đã bồi thường cho anh Lê Quang T tổng số tiền 4.000.000 đồng, anh Lê Quang T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Chấp nhận việc cháu Trần Công T và người đại diện hợp pháp đã nhận lại chiếc điện thoại di động và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

** Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 715.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường.

Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

** Nơi nhận:*

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND Tp. B;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

